

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

MỤC LỤC	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2019.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

2. Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum; tỉnh Kon Tum.

3. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động chính của Công ty là: Cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị.

4. Ban lãnh đạo công ty

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính 2021 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phan Đình Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Văn Danh	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Trương Cảnh Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát:

Bà Võ Thị Năm	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên ban kiểm soát
Ông Trương Trung Kiên	Thành viên ban kiểm soát

Ban điều hành:

Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Trương Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Trần Minh Tấn	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Công Tường	Kế toán trưởng

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày tại 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng từ trang số 07 đến trang số 30 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định là kiểm toán viên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

8. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Địa chỉ: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum

9. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Số: 194A/2022/VACA-HANOI/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội



Bùi Ngô Liên - Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1006-2018-281-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Ninh Đức Công - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 5112-2020-281-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.608.814.926	21.707.780.504
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	509.111.866	1.488.812.302
1. Tiền	111		509.111.866	488.812.302
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.285.827.492	19.445.897.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	22.005.271.954	17.715.092.400
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	-	1.031.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	44.765.538	1.464.014.640
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(764.210.000)	(764.210.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	598.642.009	540.520.488
1. Hàng tồn kho	141		598.642.009	540.520.488
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		215.233.559	232.550.674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	10.999.001	11.383.338
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	204.234.558	221.167.336
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.852.555.806	9.540.887.417
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.597.160.895	4.134.407.500
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	9.597.160.895	4.134.407.500
- Nguyên giá	222		25.446.396.959	18.420.716.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.849.236.064)	(14.286.309.460)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		96.000.000	96.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.000.000)	(96.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.500.000.000	4.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	4.500.000.000	4.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		755.394.911	906.479.917
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	755.394.911	906.479.917
TỔNG TÀI SẢN	270		37.461.370.732	31.248.667.921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.669.189.596	7.766.884.924
I. Nợ ngắn hạn	310		11.239.189.596	7.766.884.924
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.491.459.640	1.557.637.580
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.192.213.522	1.431.207.166
4. Phải trả người lao động	314		1.128.400.000	3.971.144.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.211.697.880	135.698.902
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	405.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		810.418.554	671.197.276
II. Nợ dài hạn	330		2.430.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	2.430.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.792.181.136	23.481.782.997
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	23.792.181.136	23.481.782.997
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.103.300.000	12.103.300.000
- Cổ phiếu phổ thông được quyền biểu quyết	411a		12.103.300.000	12.103.300.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.500.000.000	4.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.182.668.162	158.819.660
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.006.212.974	6.719.663.337
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.006.212.974	6.719.663.337
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		37.461.370.732	31.248.667.921

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.486.093.451	73.225.406.535
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.486.093.451	73.225.406.535
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.608.793.701	59.746.266.049
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.877.299.750	13.479.140.486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	477.645.218	872.801.486
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	72.372.330	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.372.330	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.623.889.103	684.974.255
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.644.448.939	6.010.048.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.014.234.596	7.656.918.812
11. Thu nhập khác	31	VI.6	37.186.160	219.237.578
12. Chi phí khác	32	VI.6	34.923.631	53.831.158
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	2.262.529	165.406.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.016.497.125	7.822.325.232
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.010.284.151	1.102.661.895
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.006.212.974	6.719.663.337

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Danh

Nguyễn Công Tường

Phạm Văn Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	77.927.099.107	68.738.474.712
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.017.488.800)	(28.573.847.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.687.363.479)	(29.551.466.731)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(72.372.330)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.206.972.894)	(951.034.118)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.000.000.000	578.609.150
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.559.952.522)	(12.254.973.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.382.949.082	(2.014.238.386)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.654.043.636)	(2.722.545.454)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	477.645.218	872.801.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.176.398.418)	(6.349.743.968)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.835.000.000	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.021.251.100)	(3.038.293.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	813.748.900	(3.038.293.830)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(979.700.436)	(11.402.276.184)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.488.812.302	12.891.088.486
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	509.111.866	1.488.812.302

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty”). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6100146571, đăng ký lần đầu ngày 30/03/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2019.

Công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Kon Tum theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Kon Tum về việc “Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Kon Tum”.

Trụ sở chính Công ty tại: Số nhà 200, đường U Rê, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tổng số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum là: 12.103.300.000 đồng (*Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm lẻ ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).
Tổng số cổ phần: 1.210.330 cổ phần, mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ về môi trường.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 bao gồm:

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình điện; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ.

Trong năm tài chính 2021, hoạt động chính của Công ty là: Cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích đô thị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện nào có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có một công ty con như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	Cung ứng dịch vụ	100%	100%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là báo cáo tài chính riêng của Công ty, do vậy, không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua (T+0) và được xác định giá trị theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo từng đối tượng.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) cũng được phân loại tương ứng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 – 30
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị văn phòng	04 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tính theo giá gốc. Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Phần mềm kế toán ASIA ENTERPRISE	03
Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh	03

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

8. Nguyên tắc kế toán khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp, thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận là số chênh lệch giữa tiền thu về bán cổ phần và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng.

Khi phân phối lợi nhuận Công ty loại trừ các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty ghi nhận doanh thu bán hàng khi đã hoàn thành giao hàng theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đã hoàn thành cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng và phát hành hóa đơn GTGT.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

(Đơn vị tính: VND)

V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt	347.178.089	227.408.768
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	161.933.777	261.403.534
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	1.000.000.000
Tổng	<u>509.111.866</u>	<u>1.488.812.302</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU B 09 - DN

V.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	22.005.271.954	758.560.000	17.715.092.400	758.560.000
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Kon Tum	20.177.651.983	-	16.864.254.000	-
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Kon Tum	758.560.000	758.560.000	758.560.000	758.560.000
Phòng Y tế thành phố Kon Tum	777.840.000	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	291.219.971	-	92.278.400	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn	-	-	-	-

V.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	1.031.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	681.000.000	-
Cửa hàng điện máy tổng hợp Việt Đức	-	-	350.000.000	-
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-

V.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	44.765.538	5.650.000	1.464.014.640	5.650.000
Tạm ứng	31.590.000	-	1.452.000.000	-
Phải thu khác	13.175.538	5.650.000	12.014.640	5.650.000
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	44.765.538	5.650.000	1.464.014.640	5.650.000

V.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	499.909.008	-	482.831.943	-
Công cụ, dụng cụ	98.733.001	-	57.688.545	-
Tổng	598.642.009	-	540.520.488	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

V.6 Chi phí trả trước

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a) Ngắn hạn	10.999.001	11.383.338
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	10.999.001	11.383.338
b) Dài hạn	755.394.911	906.479.917
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	755.394.911	906.479.917
Tổng	<u>766.393.912</u>	<u>917.863.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**V.7 Tài sản cố định hữu hình**

Mẫu B 09 - DN

Năm 2021	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01/01/2021	2.939.500.144	15.416.216.816	65.000.000	18.420.716.960
Mua trong năm	-	7.025.679.999	-	7.025.679.999
Tại ngày 31/12/2021	2.939.500.144	22.441.896.815	65.000.000	25.446.396.959
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Tại ngày 01/01/2021	2.630.919.607	11.590.389.853	65.000.000	14.286.309.460
Khấu hao trong năm	48.884.028	1.514.042.576	-	1.562.926.604
Tại ngày 31/12/2021	2.679.803.635	13.104.432.429	65.000.000	15.849.236.064
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01/01/2021	308.580.537	3.825.826.963	-	4.134.407.500
Tại ngày 31/12/2021	259.696.509	9.337.464.386	-	9.597.160.895

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu B 09 - DN

V.8 Tài sản cố định vô hình

Năm 2021	Phần mềm quản lý thu phí vệ sinh	Phần mềm kế toán	Tổng
<u>Nguyên giá</u>			
Tại ngày 01/01/2021	46.000.000	50.000.000	96.000.000
Tại ngày 31/12/2021	46.000.000	50.000.000	96.000.000
<u>Hao mòn lũy kế</u>			
Tại ngày 01/01/2021	46.000.000	50.000.000	96.000.000
Tại ngày 31/12/2021	46.000.000	50.000.000	96.000.000
<u>Giá trị còn lại</u>			
Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu B 09 - DN

V.9 Đầu tư vào công ty con

	Tỷ lệ		31/12/2021		01/01/2021	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	100%	100%	4.500.000.000	- (*)	4.500.000.000	- (*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

V.10 Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.491.459.640	5.491.459.640	1.557.637.580	1.557.637.580
Cửa hàng điện máy tổng hợp Việt Đức	1.001.490.900	1.001.490.900	-	-
Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Kon Tum	165.000.000	165.000.000	976.000.000	976.000.000
Công ty TNHH MTV xăng dầu Việt Tường	407.168.740	407.168.740	172.225.080	172.225.080
Công ty TNHH thương mại và công nghệ môi trường DH	1.990.000.000	1.990.000.000	-	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại ô tô Nam Việt	1.927.800.000	1.927.800.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	409.412.500	409.412.500
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Tổng	5.491.459.640	5.491.459.640	1.557.637.580	1.557.637.580
Trong đó:				
c) Phải trả các bên liên quan				
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	165.000.000	165.000.000	976.000.000	976.000.000

V.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2021
	a) Phải nộp			
Thuế giá trị gia tăng	761.778.195	2.625.811.592	2.674.435.634	713.154.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.972.894	1.010.284.151	1.206.972.894	160.284.151
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.319.141	-	6.319.141
Thuế bảo vệ môi trường và các thuế khác	312.456.077	3.000.000	3.000.000	312.456.077
Tổng	1.431.207.166	3.645.414.884	3.884.408.528	1.192.213.522
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	8.568.688	8.568.688	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	212.598.648	11.524.290	3.160.200	204.234.558
Tổng	221.167.336	20.092.978	3.160.200	204.234.558

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

V.12 Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	388.000.076	-
Bảo hiểm thất nghiệp	15.176.804	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.808.521.000	135.698.902
Tổng	<u>2.211.697.880</u>	<u>135.698.902</u>
b) Dài hạn		
Tổng	<u>-</u>	<u>-</u>
Trong đó:		
c) Phải trả các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	1.700.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÀU B 09 - DN

V.13 Vay

	31/12/2021		Phát sinh trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Kon Tum	405.000.000	405.000.000	405.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn						
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Kon Tum	2.430.000.000	2.430.000.000	2.835.000.000	405.000.000	-	-
Tổng	2.835.000.000	2.835.000.000	3.240.000.000	405.000.000	-	-

V.14 Vốn chủ sở hữu**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn nhà nước	3.631.180.000	3.631.180.000
Vốn các cổ đông khác	8.472.120.000	8.472.120.000
Tổng	12.103.300.000	12.103.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÓ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÀU B 09 - DN

b) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2020	12.103.300.000	-	2.652.585.060	6.687.448.667	21.443.333.727
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.719.663.337	6.719.663.337
Tặng khác	-	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	2.006.234.600	(2.006.234.600)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.364.239.528)	(1.364.239.528)
Trích quỹ thưởng ban quản lý	-	-	-	(170.116.539)	(170.116.539)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(3.146.858.000)	(3.146.858.000)
Giảm khác (Góp vốn vào công ty con)	-	-	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	12.103.300.000	4.500.000.000	158.819.660	6.719.663.337	23.481.782.997
Tại ngày 01/01/2021	12.103.300.000	4.500.000.000	158.819.660	6.719.663.337	23.481.782.997
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.006.212.974	4.006.212.974
Trích lập các quỹ (i)	-	-	3.023.848.502	(3.023.848.502)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.405.777.202)	(1.405.777.202)
Trích quỹ thưởng ban quản lý (i)	-	-	-	(268.786.533)	(268.786.533)
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	(2.021.251.100)	(2.021.251.100)
Tại ngày 31/12/2021	12.103.300.000	4.500.000.000	3.182.668.162	4.006.212.974	23.792.181.136

(i): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết số 78/NQ-DHĐCĐ ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty như sau:

- + Chia cổ tức: 2.021.251.100 đồng
- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 3.023.848.502 đồng
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.405.777.202 đồng
- + Trích quỹ khen thưởng ban quản lý: 268.786.533 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu B 09 - DN

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.103.300.000	12.103.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.103.300.000	12.103.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.719.663.337	6.687.448.667

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.210.330	1.210.330
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.210.330	1.210.330
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.210.330</i>	<i>1.210.330</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.210.330	1.210.330
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.210.330</i>	<i>1.210.330</i>

(*) *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

(Đơn vị tính: VND)

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.486.093.451	73.225.406.535
Tổng	<u>77.486.093.451</u>	<u>73.225.406.535</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với Công ty con:		
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	32.727.273	16.363.636

VI.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	65.608.793.701	59.746.266.049
Tổng	<u>65.608.793.701</u>	<u>59.746.266.049</u>

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lãi tiền gửi	477.645.218	872.801.486
Tổng	<u>477.645.218</u>	<u>872.801.486</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

VI.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	72.372.330	-
Tổng	72.372.330	-

VI.5. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí bán hàng	1.623.889.103	684.974.255
Chi phí nhân viên bán hàng	458.351.148	526.247.049
Chi phí nguyên, vật liệu	967.045.454	13.636.364
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.617.454	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.643.900	22.720.500
Chi phí bằng tiền khác	126.231.147	122.370.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.644.448.939	6.010.048.905
Chi phí nhân viên	3.792.760.390	3.914.244.100
Chi phí vật liệu quản lý	156.169.874	106.577.261
Chi phí công cụ dụng cụ	240.322.370	180.344.953
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.884.028	60.526.078
Thuế phí, lệ phí	80.629.435	125.066.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.870.937	571.835.186
Chi phí bằng tiền khác	870.811.905	1.051.454.463
Tổng	7.268.338.042	6.695.023.160

VI.6. Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	37.186.160	219.237.578
Thanh lý, nhượng bán tài sản	10.489.273	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	166.764.850
Các khoản thu nhập khác	26.696.887	52.472.728
Chi phí khác	34.923.631	53.831.158
Tiền truy thu, phạt chậm nộp thuế, BHXH	34.911.666	45.660.366
Các khoản chi phí khác	11.965	8.170.792
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.262.529	165.406.420

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

VI.7. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.016.497.125	7.822.325.232
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	34.923.631	53.831.158
<i>Chi phí không được trừ</i>	34.923.631	53.831.158
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	5.051.420.756	7.876.156.390
Thu nhập tính thuế	5.051.420.756	7.876.156.390
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN từ tính theo thuế suất không ưu đãi	1.010.284.151	1.575.231.278
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ	-	472.569.383
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	<u>1.010.284.151</u>	<u>1.102.661.895</u>

VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.844.630.183	18.948.325.699
Chi phí nhân công	33.416.365.684	37.016.256.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.562.926.604	1.121.751.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.748.031.086	2.201.673.645
Chi phí khác bằng tiền	6.342.478.186	7.172.233.205
Tổng	<u>72.914.431.743</u>	<u>66.460.240.173</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

3. Giao dịch với các bên liên quan**a. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, thù lao	1.500.000.000	1.426.200.000
Tổng		1.500.000.000	1.426.200.000

Trong đó:**Tiền lương, Thù lao thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
Phạm Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	43.200.000	43.200.000
Trần Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Phan Đình Việt	Thành viên HĐQT	43.200.000	43.200.000
Hoàng Văn Danh	Thành viên HĐQT	43.200.000	43.200.000
Trương Cảnh Vinh	Thành viên HĐQT	28.800.000	-

Tiền lương, Thù lao Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
Võ Thị Năm	Trưởng BKS	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Trương Trung Kiên	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

Tiền lương, thù lao Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc	204.000.000	204.000.000
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	180.000.000
Trương Cảnh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	180.000.000
Trần Minh Tấn	Phó Tổng Giám đốc	180.000.000	135.000.000
Phan Đình Vũ	Thư ký HĐQT	21.600.000	21.600.000
Nguyễn Công Tường	Kế toán trưởng	180.000.000	180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ KON TUM

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09 - DN

b. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	Tiền dịch vụ	165.000.000	976.000.000
	Phải trả khác	1.700.000.000	-

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	Tiền dịch vụ	150.000.000	887.272.727
	Mượn tiền	5.860.000.000	2.400.000.000

Bán hàng	Tính chất giao dịch	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Kon Tum	Tiền dịch vụ	32.727.273	16.363.636
	Góp vốn	-	4.500.000.000

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Các thông tin này đảm bảo tính so sánh được.

Kon Tum, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập



Hoàng Văn Danh

Kế toán trưởng



Nguyễn Công Tường

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hải